

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

CAO XUÂN HẢI

**HÀNH ĐỘNG TRẦN THUẬT
QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN
NGẮN
NGUYỄN MINH CHÂU, CHU LAI, LÊ LỰU**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

VINH – 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

CAO XUÂN HẢI

**HÀNH ĐỘNG TRẦN THUẬT
QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN
NGẮN
NGUYỄN MINH CHÂU, CHU LAI, LÊ LỰU**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN NGÔN NGỮ
MÃ SỐ: 62.22.01.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS. TS. HOÀNG TRỌNG PHIÊN

VINH - 2010

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	6
1. Lý do chọn đề tài.....	6
2. Lịch sử vấn đề	7

3. Đối tượng nghiên cứu.....	15
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	15
5. Phương pháp nghiên cứu.....	15
6. Cái mới của luận án.....	16
7. Cấu trúc của luận án.....	16
Chương 1. Một số vấn đề lý thuyết có liên quan đến đề tài	18
1.1. Lý thuyết hội thoại	18
1.2. Lời thoại của nhân vật trong tác phẩm văn chương.....	24
1.3. Lý thuyết hành động ngôn từ	32
1.4. Tiểu kết chương 1.....	47
Chương 2. Phân loại các hành động ngôn từ qua lời thoại nhân vật	
trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu.....	48
2.1. Các nhân tố chi phối hành động ngôn từ.....	48
2.2. Các hành động ngôn từ qua lời thoại nhân vật trong	
truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu.....	64
2.3. Phân loại hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật	
trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	71
2.4. Tiểu kết chương 2.....	81
Chương 3. Hành động trần thuật thông báo và hành động trần thuật	
miêu tả qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu,	
Chu Lai, Lê Lựu	83
3.1. Hành động trần thuật thông báo	83
3.2. Hành động trần thuật miêu tả	106
3.3. Tiểu kết chương 3.....	125
Chương 4. Hành động trần thuật kể và hành động trần thuật giải trình	
qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu,	
Chu Lai, Lê Lựu	128
4.1. Hành động trần thuật kể	128

4.2. Hành động trần thuật giải trình	157
4.3. Tiểu kết chương 4.....	170
Chương 5. Vai trò của hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu và sự đóng góp của ba tác giả.....	172
5.1. Vai trò của hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	172
5.2. Đóng góp của Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	192
5.3. Tiểu kết chương 5.....	201
Kết luận	203
Danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án	206
Tài liệu tham khảo	207
Nguồn dẫn liệu.....	220

DANH MỤC CÁC BẢNG THỐNG KÊ

Trang

Bảng 2.1: Thống kê vai giao tiếp trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu,

Chu Lai, Lê Lựu	49
Bảng 2.2: Thống kê vị thế vai giao tiếp trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	50
Bảng 2.3: Thống kê độ tuổi của vai giao tiếp trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	51
Bảng 2.4: Thống kê số lượng các cuộc thoại trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	64
Bảng 2.5: Thống kê số lượng và tỷ lệ của các nhóm HĐNT	66
Bảng 2.6: Thống kê số lượng và tỉ lệ của các tiểu nhóm HĐTT qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	79
Bảng 3.1: Thống kê số lượng và tỉ lệ của tiểu nhóm hành động TTTB xét trên phương diện sử dụng hiệu lực ở lời trực tiếp hay gián tiếp	86
Bảng 3.2: Thống kê hành động có sử dụng động từ ngữ vi trong các hành động TTTB qua lời thoại nhân vật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	91
Bảng 3.3: Số lượng và tỷ lệ của lớp từ ngữ chứa yếu tố tổng loại và không chứa tổng loại	97
Bảng 3.4: Thống kê các từ ngữ chỉ sự vật, sự việc theo các nhóm ý nghĩa trong hành động TTTB qua lời thoại nhân vật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	101
Bảng 3.5: Thống kê số lượng và tỉ lệ của tiểu nhóm hành động TTMT xét trên phương diện sử dụng hiệu lực ở lời trực tiếp hay gián tiếp	109
Bảng 3.6: So sánh tỷ lệ sử dụng hành động gián tiếp giữa hành động TTMT và hành động TTTB	110
Bảng 3.7: Thống kê số lượng lớp từ chỉ màu sắc trong hành động TTMT qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	111
Bảng 3.8: Thống kê số lượng lớp từ mô tả hình dáng	

trong hành động TTMT qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	112
Bảng 3.9: Thống kê lớp từ ngữ có ý nghĩa biểu trưng trong hành động TTMT qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	116
Bảng 4.1: Thống kê số lượng và tỉ lệ của tiểu nhóm hành động TTK xét trên phương diện sử dụng hiệu lực ở lời trực tiếp hay gián tiếp	132
Bảng 4.2: Các từ ngữ chỉ xuất không gian chủ quan và chỉ xuất không gian khách quan trong các hành động TTK qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	140
Bảng 4.3: Thống kê số lượng và tỉ lệ của tiểu nhóm hành động TTGT xét trên phương diện sử dụng hiệu lực ở lời trực tiếp hay gián tiếp	159
Bảng 4.4. Thống kê các từ ngữ có ý nghĩa giải thích trong các hành động TTGT qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu	162

CÁC QUY ƯỚC VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN

1	ĐTNV	Động từ ngữ vi
2	HĐNT	Hành động ngôn từ
3	IFIDs	Illocutionary force indicating devices - dấu hiệu chỉ dẫn hiệu lực ở lời
4	P	Nội dung mệnh đề
5	QHT	Quan hệ từ
6	SL	Số lượng
7	Sp1	Người nói
8	Sp2	Người nghe
9	TTTB	Trần thuật thông báo
10	TTMT	Trần thuật miêu tả
11	TTK	Trần thuật kể
12	TTGT	Trần thuật giải trình

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX, nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới và cả Việt Nam đã có sự quan tâm sâu sắc đến Lý thuyết hành động ngôn từ (Theory of speech acts). Đi theo hướng này, ở Việt Nam, có khá nhiều bài viết, luận văn, luận án, chuyên khảo đề cập đến các hành động ngôn từ (HĐNT) nói chung cũng như các hành động bộ phận như hành động hỏi, hành động cầu khiến, hành động cảm thán, hành động cho tặng, hành động cam kết, hành động khuyên... Tuy nhiên, việc đi sâu nghiên cứu hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong tác phẩm văn chương thì chưa có đề tài nào.

1.2. Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu là những nhà văn xuất sắc và tiêu biểu cho nền văn học kháng chiến chống Mỹ cứu nước về thể loại truyện ngắn. Để tạo nên sự thành công về thể loại truyện ngắn này, các nhà văn đã phải sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật khác nhau, trong đó có nghệ thuật sử dụng ngôn từ và cách tổ chức các dạng lời nói của nhân vật. Các dạng lời nói này được gọi là các hành động ngôn từ. Một trong các dạng hành động ngôn từ được sử dụng với tần số cao, tạo nên nét riêng, sự độc đáo về phong cách của mỗi nhà văn là hành động trần thuật. Tuy vậy, hành động này chưa được đi sâu mô tả, phân tích và nghiên cứu một cách đầy đủ.

1.3. Trong thực tiễn học tập, giảng dạy môn Ngữ văn ở nhà trường, việc áp dụng lý thuyết HĐNT để khảo sát, phân tích tác phẩm văn chương gặp không ít khó khăn. Vì thế, nghiên cứu hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu trong một chừng mực nào đó sẽ góp phần tích cực vào việc giảng dạy bộ môn ngữ văn ở nhà trường phổ thông hiện nay. Nghiên cứu vấn đề này còn góp phần khẳng định tài năng nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu, giúp người đọc tiếp nhận giá trị của tác phẩm một cách toàn diện hơn.

Chính vì những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài “Hành động trần thuật qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lựu” để đi sâu nghiên cứu.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Lịch sử nghiên cứu về dụng học và hành động ngôn từ

Năm 1962, với sự công bố công trình *How to do things with words* (Hành động như thế nào bằng lời nói) [165] của J. Austin - công bố sau khi ông qua đời hai năm, có thể xem là cái mốc đánh dấu sự ra đời của lĩnh vực nghiên cứu dụng học và hành động ngôn từ trong giao tiếp. Mục tiêu của J. Austin là:

Xem xét lại điều mà ông nhìn nhận như là nguy thuyết miêu tả: Quan điểm cho rằng cái chức năng của ngôn ngữ được quan tâm duy nhất về mặt triết học là chức năng xây dựng phán đoán đúng sai. Cụ thể hơn, ông tán công vào thuyết thẩm định chân thực, có liên quan đến thực chứng luận lô gích, tức cái thuyết cho rằng các câu chỉ có nghĩa khi chúng biểu thị những mệnh đề có thể kiểm tra được tính đúng sai [99, tr. 248].

Trên cơ sở nghiên cứu ý nghĩa của câu gắn liền với các HĐNT mà người nói thực hiện vào lúc nói bằng cách phát ra câu nói đó, J. Austin đã trình bày các vấn đề cơ bản về lý thuyết HĐNT như: các loại HĐNT; điều kiện sử dụng HĐNT và phân loại hành động ở lời... Dựa trên ý nghĩa của động từ ngữ vi, ông đã chia các hành động ở lời thành năm phạm trù: phán xử (verditive); hành xử (exercitive); cam kết (comissive); trình bày (expositive); ứng xử (behabitive). Lý thuyết HĐNT của J. Austin có thể nói là “nền móng” để xây dựng hướng nghiên cứu ngữ nghĩa - ngữ dụng với các hợp phần của nó.

Năm 1969, với sự ra đời cuốn *Speech Acts* [173], J. Searle đã có công lớn trong việc phát triển lý thuyết HĐNT.

Ông không tán thành sự tách rời nghĩa miêu tả và nghĩa ngữ dụng. Bởi vì theo ông tất cả những câu có nghĩa thì qua ý nghĩa của nó đều có thể dùng để thực hiện một hay một loạt những hành vi ngôn ngữ cụ thể, và tất cả những hành vi ngôn ngữ đã thực hiện thì về nguyên tắc đều có thể biểu hiện một cách chính xác theo cấu trúc nội tại một hay nhiều câu. Do vậy nghiên cứu nghĩa của câu và sự nghiên cứu các hành vi ngôn ngữ không lập thành hai lĩnh vực độc lập. Chúng chỉ là một nhưng theo hai phương diện khác nhau [34, tr. 57].

Điểm khác biệt giữa J. Searle và J. Austin là ở cách ông đề xuất một sự miêu tả khác về các HĐNT cũng như các phạm trù hành động ở lời. Dựa trên ý nghĩa khái quát của các hành động ở lời, ông chia thành 5 phạm trù: tái hiện (representative), điều khiển (directive), cam kết (commissive), biểu cảm (expressive), tuyên bố (declaration).

Năm 1975, với công trình *In direct Speech Acts* [174] và sự hoàn thiện khái niệm HĐNT gián tiếp, J. Searle đã có công lớn trong việc hoàn chỉnh lý thuyết HĐNT.

Từ sau 1975, ngữ dụng học nói chung, HĐNT nói riêng không những được các nhà ngôn ngữ học quan tâm mà các nhà khoa học kế cận, như triết học, văn học, tâm lý học, xã hội học... cũng rất chú ý. Không thể thống kê đầy đủ các công trình nghiên cứu về dụng học và HĐNT nhưng có thể khẳng định: nghiên cứu ngôn ngữ lúc này *quan tâm đến lĩnh vực hoạt động thực hiện chức năng giao tiếp của ngôn ngữ còn được gọi là lĩnh vực của lời nói hiểu theo nghĩa rộng nó bao gồm cả các sản phẩm của giao tiếp bằng ngôn ngữ và cả các cơ chế, các quy tắc sản sinh ra chúng* [23, tr. 93]. Người ta tìm cách trả lời các câu hỏi như: chúng ta làm gì khi nói? Chúng ta thực sự nói gì khi nói?... Chúng ta có thể nói một điều khác với điều chúng ta muốn nói như thế nào? Có thể tin vào nghĩa của câu chữ được không? Công dụng của ngôn ngữ là gì?...

Ở nước ta, nghiên cứu về ngữ dụng học nói chung, HĐNT nói riêng được bắt đầu từ những năm 70, 80 của thế kỷ XX. Nhìn chung, các công trình nghiên cứu, giáo trình, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các bài báo khoa học chuyên ngành... cũng đã đề cập đến mảng HĐNT từ nhiều góc độ khác nhau. Có thể phân loại các công trình nghiên cứu có đề cập đến HĐNT theo hai hướng:

(a) Xây dựng một hệ thống lý thuyết về dụng học nói chung, HĐNT trong Việt ngữ nói riêng.

(b) Áp dụng lý thuyết dụng học và lý thuyết HĐNT để nghiên cứu những vấn đề ngôn ngữ cụ thể trong giao tiếp của người Việt.